

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ NGHI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/NQ-HĐND

Nghi Dương, ngày 19 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách xã
và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ NGHI DƯƠNG
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015, Luật sửa đổi Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách thành phố và ngân sách cấp xã thành phố Hải Phòng năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, các ngành, các đơn vị thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Thông báo số 99-TB/ĐU ngày 16/12/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về các Tờ trình của UBND xã về một số nội dung trước khi trình Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025, HĐND xã khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét Tờ trình số 66/TTr-UBND ngày 16/12/2025 của UBND xã về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 10/BC-B.KT-NS ngày 17/12/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và các ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã năm 2026 như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước: 226.292 triệu đồng; trong đó:

- * Thu NSNN trên địa bàn xã: 221.792 triệu đồng, bao gồm:
- Các khoản thu ngân sách trên địa bàn: 36.775 triệu đồng, trong đó:
 - + Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 25.000 triệu đồng;
 - + Lệ phí trước bạ: 8.200 triệu đồng;
 - + Thu phí, lệ phí: 100 triệu đồng;
 - + Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 170 triệu đồng;
 - + Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước: 380 triệu đồng;
 - + Thu tiền sử dụng đất: 2.000 triệu đồng;
 - + Thu khác ngân sách: 75 triệu đồng;
 - + Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác: 850 triệu đồng.
 - Thu bổ sung từ ngân sách thành phố: 185.017 triệu đồng, trong đó:
 - + Thu bổ sung cân đối ngân sách 183.937 triệu đồng
 - + Thu bổ sung có mục tiêu 1.080 triệu đồng.

2. Tổng thu cân đối ngân sách xã: 205.340 triệu đồng, trong đó:

- Thu ngân sách xã được điều tiết: 20.287 triệu đồng, trong đó:
- + Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 13.500 triệu đồng;
- + Lệ phí trước bạ: 5.100 triệu đồng;
- + Thu phí, lệ phí: 100 triệu đồng;
- + Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 170 triệu đồng;
- + Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước: 152 triệu đồng;
- + Thu tiền sử dụng đất: 400 triệu đồng;
- + Thu khác ngân sách: 15 triệu đồng;
- + Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác: 850 triệu đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách thành phố: 185.017 triệu đồng, trong đó:
- + Thu bổ sung cân đối ngân sách: 183.937 triệu đồng;
- + Thu bổ sung có mục tiêu: 1.080 triệu đồng.

Điều 2. Quyết định dự toán chi ngân sách xã năm 2026 như sau:

- Tổng chi cân đối ngân sách xã: 205.304 triệu đồng, trong đó:
- Chi đầu tư phát triển (Nguồn tiền đất được điều tiết): 400 triệu đồng
- Chi thường xuyên: 200.878 triệu đồng
 - Chi dự phòng ngân sách: 4.026 triệu đồng

(Kèm theo biểu phụ lục chi tiết)

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân xã.

1.1. Tổ chức thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

1.2. Phân bổ, giao dự toán chi đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết quy định tại khoản 7 Điều 32 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025 bảo đảm kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật; định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã và báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.

1.3. Giao dự toán ngân sách cho các cấp, các ngành, các đơn vị sử dụng ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. Tổ chức đồng bộ các giải pháp, trên cơ sở bám sát điều hành của Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, thành phố về dự toán ngân sách năm 2026 và tình hình thực tế tại địa phương. Chỉ đạo điều hành ngân sách chủ động, tích cực, đảm bảo cân đối ngân sách theo quy định.

1.4. Tổ chức thực hiện các biện pháp để quản lý thu ngân sách, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu theo quy định của pháp luật, quản lý tốt các khoản thu có điều kiện tăng thu, nhất là các khoản thu từ đất.

1.5. Điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán giao, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí. Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, tổ chức bộ máy, thu gọn đầu mối, tinh giản biên chế của hệ thống hành chính; đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết của Trung ương. Chấp hành nghiêm quy định công khai, minh bạch về ngân sách, chế độ tự kiểm tra tài chính, kế toán trong các đơn vị sử dụng ngân sách.

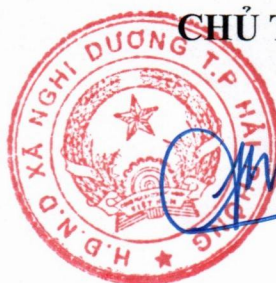
1.6. Nghiêm túc thực hiện yêu cầu về tiết kiệm, chống lãng phí theo Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tiết kiệm chi thường xuyên, chi cho bộ máy quản lý nhà nước, chi hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, các Đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc thực hiện Nghị Quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 19/12/2025.

Nơi nhận:

- TT.HĐND, UBND thành phố;
- Sở Tài chính thành phố;
- VP: ĐDBQH&HĐND, UBND TP;
- TT.Đảng ủy, TT.HĐND, UBND xã;
- Ủy ban MTTQ xã;
- Các ban của HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- VP: Đảng ủy, HĐND và UBND xã;
- Các phòng, đơn vị, đoàn thể xã;
- Các thôn dân cư, trường học;
- Trung tâm DVSN Công, Công TTĐT xã (tuyên truyền);
- Lưu: VT, HSKH.



CHỦ TỊCH

Phạm Trung Huy

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Nghị Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán 2026			Ghi chú
		NSNN	NSX	NSX được điều tiết	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>3</i>
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	226,292	221,792	205,304	
I	Thu nội địa	41,275	36,775	20,287	
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý				
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	350			
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước				
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	25,000	25,000	13,500	
	- Thuế giá trị gia tăng	30,500	51,357	51,357	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	64,600			
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	5			
	- Thuế tài nguyên	115			
5	Thuế thu nhập cá nhân	4,150			
6	Thuế bảo vệ môi trường				
7	Lệ phí trước bạ	8,200	8,200	5,100	
-	Lệ phí trước bạ nhà, đất	2,000	2,000	2,000	
-	Lệ phí trước bạ còn lại				
8	Thu phí, lệ phí	100	100	100	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	170	170	170	
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	380	380	152	
12	Thu tiền sử dụng đất	2,000	2,000	400	
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)				
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước				
16	Thu khác ngân sách	75	75	15	
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	850	850	850	
II	Thu viện trợ				
III	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang				
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	185,017	185,017	185,017	
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	183,937	183,937	183,937	
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	1,080	1,080	1,080	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Nghị Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán trước khi trừ tiết kiệm	Trong đó			Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	Dự toán sau khi trừ tiết kiệm	Ghi chú
			Chi lương, phụ cấp, chính sách xã hội, ...	Chi hoạt động, nghiệp vụ	Chi mua sắm, sửa chữa			
A	B	1	2	3	4	5	6=1-5	7
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	205,304	131,897	33,172	40,235	4,658	200,646	
A	Chi ngân sách cấp xã theo lĩnh vực	205,304	131,897	33,172	40,235	4,658	200,646	
I	Chi đầu tư phát triển	400			400	0	400	
1	Chi đầu tư từ nguồn tiết đất	400			400		400	
2	Chi đầu tư phát triển khác							
II	Chi thường xuyên	200,878	131,897	29,146	39,835	4,658	196,220	
1	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	88,729	60,334	8,600	19,795	1,461	87,268	
-	Chi giáo dục	88,579	60,334	8,450	19,795	1,446	87,133	
-	Chi đào tạo và dạy nghề	150		150		15	135	
2	Chi khoa học và công nghệ	390	60	200	130	33	357	
3	Chi an ninh, quốc phòng	5,336	4,592	744	0	74	5,262	
-	Chi an ninh và trật tự ATXH	2,407	2,107	300		30	2,377	
-	Chi quốc phòng, DQTV	2,929	2,485	444		44	2,885	
4	Chi y tế, dân số và gia đình	4,152	3,280	872	0	87	4,065	
5	Chi văn hóa thông tin	5,362	649	1,380	3,333	470	4,892	
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	300		300		30	270	
7	Chi thể dục thể thao	355		355		36	319	
8	Chi bảo vệ môi trường	1,256		1,256		126	1,130	
9	Chi các hoạt động kinh tế	17,105	357	3,859	12,889	1,275	15,830	
-	Chi nông, lâm, thủy lợi	1,716	357	1,359		136	1,580	
-	Chi giao thông, thị chính	14,389		1,500	12,889	1,039	13,350	
-	Chi sự nghiệp kinh tế khác	1,000		1,000		100	900	
10	Chi hoạt động QLNN, Đảng, đoàn thể	33,800	20,231	9,881	3,688	1,016	32,784	
	Quản lý Nhà nước	21,381	15,632	4,669	1,080	467	20,914	
	Đảng	9,593	4,873	4,720		472	9,121	
	Hội đồng nhân dân	3,834	1,394	2,440		244	3,590	
	Đoàn thể	3,893	2,887	1,006		101	3,792	
11	Chi bảo đảm xã hội	43,094	42,394	700		50	43,044	
12	Chi khác	999		999			999	
III	Dự phòng ngân sách	4,026		4,026			4,026	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương							
B	Chi viện trợ							
C	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu							

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Nghi Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán 2026	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ	205,304	
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	20,287	
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	3,135	
-	Thu ngân sách xã hưởng tỷ lệ phần trăm (%)	17,152	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	185,017	
-	Thu bổ sung cân đối	183,937	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	1,080	
III	Thu kết dư		
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	205,304	
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	205,304	
1	Chi đầu tư phát triển	400	
2	Chi thường xuyên (trước khi trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên)	200,878	
-	Tr.đó: Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	4,658	
-	Chi thường xuyên (sau khi trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên)	196,220	
3	Dự phòng ngân sách	4,026	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
II	Chi viện trợ		
III	Chi từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu		
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau		

TỔNG HỢP CẤP BÙ HỌC PHÍ KHỐI GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Nghi Dương)

TT		Đơn vị	Mẫu giáo công lập						Nhà trẻ công lập						Thành tiền khối Mầm Non	THCS				Tổng số thu học phí	Ghi chú
			Số học sinh			Mức thu			Số học sinh			Mức thu				Số học sinh		Mức thu			
			Thành thị	Nông thôn		Thành thị	Nông thôn		Thành thị	Nông thôn		Thành thị	Nông thôn			Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn		
A		B	1	2	1a	2a	3	4	3a	4a			5	9	10	9a	10a	11	12=5+8+11	C	
1		Trường Mầm non Kiến Quốc			330		105		80		135		409 050					0	409 050		
2		Trường Mầm non Ngũ Phúc			270		105		80		135		352 350					0	352 350		
3		Trường Mầm non Du Lễ			195		105		80		135		281 475					0	281 475		
4		Trường TH&THCS Du Lễ (bậc THCS)											0			373		62	208 134		
5		Trường THCS Kiến Phúc											0			1 342		62	748 836		
		Cộng	0	795				0	240				1 042 875	0	1 715	0	124	956 970	1 999 845	0	

ĐVT: 1000 đồng